TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1217/2024/HS-PT
Ngày 25/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 1008/2024/TLPT-HS ngày 24/10/2024, do bị hại ông Phạm Quý H kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Quang H, sinh năm 1984; tại Hà Nội. Nơi cư trú: Số 10 Hàng Bài, phường Tràng T, Quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tiến C và bà Trần Thị V; Bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt theo Quyết định truy nã và tạm giam từ ngày 11/12/2022, có đơn xin xử vắng mặt.

- Bị hại kháng cáo: Ông Phạm Quý H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 54 ngách 81, ngõ Hòa Bình 7, phường Minh Kh, Quận Hai Bà Tr, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Quốc Kh là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nam Việt thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: P406 Tòa nhà 4F đường Vũ Phạm H, phường Yên H, Quận Cầu G, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2019, Lê Quang H nghe thông tin giá đất tại xã Thiện Ngh, thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận đang tăng cao nên H đã đến Phan Th xem đất để môi giới đầu tư. Khi đến Phan Th, H đi cùng V (là người môi giới đất, không rõ nhân thân) và một số người khác (không rõ nhân thân) xem đất của bà Nguyễn Ái V (sinh năm 1981, số chứng minh nhân dân (CMND): 260881235, địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường Lạc Đ, thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận) tại vị trí thôn Thiện S, xã Thiện Ng, thành phố Phan Th. H nói V gửi thông tin thửa đất này cho H, V đồng ý và chụp ảnh bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của bà V gửi qua tài khoản zalo cho H. Sau đó, V tiếp tục đưa H đi xem thửa đất khác tại Khu phố 3, phường Hàm T, thành phố Phan Th của bà Phạm Thị Tú U (sinh năm 1967, địa chỉ: 100A Xuân D, Tổ 30, Cụm 4, phường Từ L, quận Tây H, Thành phố Hà Nội) và V cũng gửi hình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc (sau này H mới biết thửa đất này là của bà Phạm Thị Tố U, vì khi V gửi hình sổ đất thì V xoá thông tin tên và địa chỉ của bà U) gửi qua tài khoản zalo cho H. Sau khi xem 02 thửa đất trên thì H về lại Thành phố Hồ Chí Minh để tìm khách có nhu cầu mua để môi giới. Khoảng 01 tuần sau, H ra lại Khu phố 3, phường Hàm T, thành phố Phan Th xem lại thực tế thửa đất của bà U để tư vấn cho khách có nhu cầu mua.

Do không tìm được khách mua các thửa đất trên và công việc làm ăn của H bị thua lỗ, nợ nần nên H nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà U để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua thủ đoạn thế chấp sổ để vay tiền rồi chiếm đoạt. Để thực hiện ý định trên, H lên mạng internet tìm kiếm thông tin "làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" và vào một trang bất kỳ (không nhớ cụ thể) thì có số điện thoại hiển thị trên trang web nên H kết bạn zalo (H không nhớ số điện thoại và không nhớ tài khoản zalo này). Sau khi kết bạn zalo, H nói muốn làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì người sử dụng tài khoản zalo này yêu cầu H phải chụp 4 mặt của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần làm giả và cung cấp thông tin của H, đồng thời yêu cầu cung cấp quyền đăng nhập tài khoản zalo của H cho người này trong vòng một ngày, sau đó H có quyền thay đổi mật khẩu để lấy lại tài khoản zalo thì H đồng ý. Sau đó, H cung cấp hình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số BQ 439782 của bà Phạm Thị Tố U mà trước đó V đã gửi cho H và cung cấp mật khẩu zalo của H cho người này đăng nhập. Hai bên thỏa thuận giá làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là 60.000.000 đồng. Vài ngày sau, người này làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả theo yêu cầu của H với thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 54, loại đất ở đô thị, diện tích 800m^2, địa chỉ thửa đất tại Khu phố 3,

phường Hàm T, thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/8/2015 cho bà Nguyễn Thị Ái V, sinh năm 1981, CMND số 260881235, địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường Hàm T, thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận;

+ Cập nhật biến động ngày 05/12/2018 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Thành Nh, CMND số 331351931, địa chỉ: 43/26Y, Khóm 2, Phường 3, TP. Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long;

+ Ngày 30/3/2019 chuyển nhượng cho ông Lê Quang H, CMND số 012271400, địa chỉ: Số 10 Hàng B, Quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội.

Sau đó, người này liên lạc với H để hẹn giao tại Công viên Tao Đàn thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi H đến điểm hẹn trên thì có 01 người đàn ông mặc đồng phục Grab, đeo khẩu trang (không rõ nhân thân) và mang tới giao cho H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 giả và H đưa cho người này 60.000.000 đồng. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên, H cất giấu tại nhà thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh để tìm người nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vay tiền.

Đến tháng 6/2019, thông qua một người môi giới vay tiền (không rõ nhân thân) H đặt vấn đề vay số tiền 2.100.000.000 đồng thì được người này nói phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp thì mới cho vay. H nói có lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 (là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả H mua trước đó) mới mua tháng 3/2019 giá 24.000.000.000 đồng thì được người này đồng ý và nói lãi suất tiền vay là 09%/tháng, phí dịch vụ vay là 08% thì được H đồng ý. Sau đó, H chụp hình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 gửi cho người môi giới thì người này đồng ý cho H vay 3.000.000.000 đồng và hẹn vài ngày sau đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cùng chứng minh nhân dân của H đến vị trí khu đất để xem thực tế và thỏa thuận.

Ngày 17/6/2019, H ra Phan Th và gặp người môi giới cùng 03 người đàn ông và 01 phụ nữ. Lúc này, người môi giới giới thiệu Hoàn gặp Phạm Quý Z là người cho H vay tiền và cùng nhau đi xem đất. Sau khi xem đất xong thì Z đồng ý cho H vay tiền nên cả hai đi cùng người môi giới đến Văn phòng công chứng Nguyễn D (địa chỉ: G267 Đại lộ Hùng V, phường Phú T, thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận) để làm hợp đồng. Tại đây, Văn phòng công chứng đã soạn sẵn hợp đồng mua bán thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782, bên chuyển nhượng là Lê Quang H, bên nhận chuyển nhượng là Phạm Quý Z. H hỏi tại sao không làm hợp đồng đặt cọc thì H nói số tiền vay lớn nên phải làm hợp đồng chuyển nhượng để đảm bảo khoản vay. H đồng ý làm hợp đồng chuyển nhượng với ông Z nhưng có nói điều kiện ông Z không được sang tên và bán thửa đất trên cho người khác. Sau đó, H và Z ký hợp đồng chuyển nhượng, giá ghi trên hợp đồng là 500.000.000 đồng và H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 cho Z. Khi làm hợp đồng công chứng thì hồ sơ bị thiếu Giấy xác

nhận tình trạng hôn nhân của H và Z nói bổ sung sau thì ông Z đồng ý. Ông H chuyển 990.000.000 đồng và nhờ ông Đào Hải Đ chuyển 1.500.000.000 đồng vào cùng số tài khoản 19030741176014 mở tại Ngân hàng Techcombank đứng tên Lê Quang H. Tổng số tiền ông Z đã chuyển cho H vay vào ngày 17/6/2019 là 2.490.000.000 đồng (đã trừ tiền lãi 270.000.000 đồng tháng đầu (09%/tháng) và phí dịch vụ 240.000.000 đồng (08%)).

Sau đó, H quay về Thành phố Hồ Chí Minh và tiếp tục nhờ người đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 để làm giả Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Uỷ ban nhân dân phường Tràng T với số tiền 4.000.000 đồng, cách thức, thủ đoạn thực hiện tương tự như lúc làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782. Khoảng vài ngày sau, người này liên lạc với H hẹn giao Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại Công viên Tao Đàn thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi H đến điểm hẹn thì gặp 01 người đàn ông (không rõ nhân thân) mang khẩu trang, mặc đồng phục Grab tới giao cho H Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả số 215/2019/UBND-XNTTHN do Uỷ ban nhân dân phường Tràng Tiền cấp vào ngày 25/6/2019 và H đưa cho người này 4.000.000 đồng. Sau khi nhận được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả trên thì H gửi xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Phan Th cho ông H để ông Z tự nộp bổ sung tại Văn phòng Công chứng Nguyễn D. Sau khi hoàn tất hợp đồng công chứng vào ngày 29/6/2019, Văn phòng công chứng Nguyễn D đã trả lại cho ông Z bản gốc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân phường Tràng T số 215/2019/UBND-XNTTHN cấp ngày 25/6/2019 của Lê Quang H nhưng ông Z đã làm thất lạc, hiện nay không tìm lại được.

Từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019, H duy trì việc trả tiền lãi cho ông Z là 540.000.000 đồng (mỗi tháng là 270.000.000 đồng với lãi suất 09%/tháng) qua số tài khoản 19033939669023 mở tại ngân hàng Techcombank của ông Phạm Quý H nhằm mục đích không để ông Z nghi ngờ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H để có thể tiếp tục vay mượn tiền H.

Đến tháng 10/2019, H gặp ông Z tại Thành phố Hồ Chí Minh và nói cần vay thêm 2.000.000.000 đồng thì ông Z nói lãi suất là 6%/tháng (tức là 120.000.000 đồng/tháng) và hai ngày sau sẽ chuyển khoản. Ngày 16/10/2019, ông Z chuyển 2.000.000.000 đồng vào số tài khoản 19030741176030 của Lê Quang H mở tại Ngân hàng Techcombank. Ngoài ra, H còn nói khoản vay 3.000.000.000 đồng trước đây vào ngày 17/6/2019 chỉ cần trả lãi từ 270.000.000 đồng/tháng (09%/tháng) xuống còn 225.000.000 đồng/tháng (7,5%/tháng).

Vì vậy, ngày 14/10/2019, H trả 225.000.000 đồng tiền lãi cho khoản vay 3.000.000.000 đồng từ số tài khoản 19030741176030 của H mở tại ngân hàng Techcombank đến số tài khoản 19033939669023 mở tại ngân hàng Techcombank của của ông Phạm Quý H.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, đã trả cho ông Z số tiền lãi 1.035.000.000 đồng cho 02 khoản vay trên từ số tài khoản 19030741176014 và

19030741176030 của H mở tại ngân hàng Techcombank đến số tài khoản 19033939669023 mở tại ngân hàng Techcombank của của ông Phạm Quý H.

Đầu tháng 01/2020, H gọi điện thoại cho ông Z hỏi vay thêm 1.000.000.000 đồng với lãi suất 06%/tháng (tương ứng 60.000.000 đồng/tháng) thì ông Z đồng ý. Ngày 06/01/2020, ông Z chuyển cho H vay số tiền 1.000.000.000 đồng vào số tài khoản 19030741176030, đứng tên Lê Quang H mở tại Ngân hàng Techcombank.

Từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2020, H đã trả cho ông Z số tiền lãi 735.000.000 đồng cho 03 khoản vay trên từ số tài khoản 19030741176014 của H mở tại ngân hàng Techcombank đến số tài khoản 19033939669023 mở tại ngân hàng Techcombank của của ông Phạm Quý H.

Ngày 06/4/2020, H trả 60.000.000 đồng tiền lãi cho khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 06/01/2020 cho ông Z. Còn tiền lãi tháng 4/2020 đối với khoản vay 3.000.000.000 đồng (lãi suất 225.000.000/tháng) và 2.000.000.000 đồng (lãi suất 120.000.000 đồng/tháng) H nói ông Z cộng lại là 345.000.000 đồng và ông Hùng chuyển thêm cho H 155.000.000 đồng để làm tròn 500.000.000 đồng để cộng dồn vào tiền gốc H vay thì ông Z đồng ý. Ngày 13/4/2020, ông Z chuyển khoản cho H số tiền 155.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng 19030741176030 của H mở tại ngân hàng Techcombank.

Ngày 29/4/2020, H gọi điện thoại vay ông Z thêm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) với lãi suất 06%/tháng (tương ứng 60.000.000 đồng/tháng) thì được ông Z đồng ý và chuyển số tiền 940.000.000 đồng (đã trừ 60.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu) qua số tài khoản ngân hàng 19030741176030 của H mở tại ngân hàng Techcombank.

Từ tháng 5/2020 đến tháng 6/2020, H đã trả cho ông Z số tiền lãi 795.000.0000 đồng cho các khoản vay trên từ số tài khoản 19030741176014 và 19030741176030 của H mở tại ngân hàng Techcombank đến số tài khoản 19033939669023 mở tại ngân hàng Techcombank của ông Phạm Quý H.

Ngoài ra, ngày 20/6/2020, H gặp ông Z tại chung cư Rivera Park Quận 10, TP. Hồ Chí Minh và đưa 400.000.000 đồng tiền mặt trực tiếp cho Z (không có giấy tờ nhưng H và ông Z đều thừa nhận có việc đưa tiền này) để trả tiền gốc cho ông Z. Tại đây, ông Z nói H viết cho ông Z giấy vay tiền thể hiện số tiền H vay của ông Z là 08 tỉ đồng (cả gốc và lãi) thì H đồng ý viết và ký tên. Giấy vay tiền này được lập 01 bản và ông Z giữ.

Ngày 24/6/2020, ông Z đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Th làm thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất thì được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Th kiểm tra hồ sơ lưu, phát hiện thửa đất số 43, tờ bản đồ số 54 không phải do bà Nguyễn Thị Ái V đứng tên mà do một người khác đứng tên. Nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 là giả nên ông Z đã đến Công an phường Lạc Đ, thành phố Phan Th trình báo sự việc.

Đến ngày 29/9/2020, ông Z làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận về hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của Lê Quang H để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Như vậy, tính đến ngày 20/6/2020, tổng số tiền ông Z đã cho H vay do tin tưởng nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 giả là 6.585.000.000 đồng. Hàng tháng, H duy trì việc trả tiền lãi cho ông Z là phương thức để H che giấu hành vi phạm tội và tạo niềm tin để ông Z nhiều lần cho H vay tiền. Tổng số tiền hàng tháng Hoàn đã trả lãi với gốc cho ông Z là 3.790.000.000 đồng. Đến tháng 6/2020, khi H biết ông Hùng phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả thì H đã chiếm đoạt của ông Hùng số tiền 2.795.000.000 đồng và bỏ trốn.

Ngày 28/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Th gửi Công văn số 607/CSĐT(CSĐT3) đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Th về việc cung cấp thông tin liên quan đến Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 439782. Ngày 10/8/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Th có văn bản trả lời số 4735/CNVPĐKĐĐPT với nội dung: *"Chi nhánh Văn phòng đã kiểm tra đối chiếu thông tin dữ liệu và hồ sơ lưu trữ hiện có tại Chi nhánh Văn phòng thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/8/2015, được cấp cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Tú Uyên, sinh năm: 1967, số CMND: 011317832, địa chỉ thường trú: số 100 - Xuân Diệu, tổ 30, cụm 4, phường Từ Liêm, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội theo thửa đất số 43, tờ bản đồ số 54, diện tích 800.0 m^2, loại đất ở tại đô thị. Chi nhánh Văn phòng đã rà soát thông tin dữ liệu tiếp nhận hồ sơ từ năm 2018 đến nay thì hiện nay thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 439782 hiện đang được nộp hồ sơ đăng ký thủ tục biến động căn cước công dân cho bà Phạm Thị Tú U (hồ sơ đang tạm dừng chờ ý kiến cơ quan Cảnh sát điều tra vì có tiếp nhận đơn trình báo của ông Phạm Quý Z). Ngoài ra, Chi nhánh Văn phòng không tìm thấy thông tin đăng ký cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động thực hiện chuyển quyền theo các tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Ái V, ông Nguyễn Hữu Thành Nh hay ông Lê Quang H, đăng ký thực hiện thủ tục được nộp tại Chi nhánh Văn phòng đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 54, diện tích 800.0 m^2, tại khu phố 3, phường Hàm T, thành phố Phan T"*.

Tại Công văn số 4714 ngày 14/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận xác định: *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 439782 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/8/2015 cho bà Phạm Thị Tú U (sinh năm 1967, CMND số: 011317832, thường trú tại: số 100A Xuân Diệu, tổ 30, cụm 4, phường Tứ L, quận Tây H, Hà Nội), ngày 24/9/2020 cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Duy Đ (sinh năm 1969, số CMND: 001060002204, địa chỉ: 124 đường Nguyễn X, phường Hạ Đ, quận Thanh X, Hà Nội). Không có thông tin bà*

Nguyễn Thị Ái V (sinh năm 1981, CMND số 260881235, địa chỉ: khu phố 4, phường Lạc Đ, TP. Phan Th) đứng tên sở hữu thửa đất nêu trên”.

Ngày 17/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Th có Công văn số 747 đề nghị Văn phòng công chứng Viễn Đ cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hợp đồng công chứng giữa Nguyễn Hữu Thành Nh và Lê Quang H. Ngày 14/10/2020, Văn phòng công chứng Trương Văn C (Văn phòng công chứng Viễn Đ cũ) có Văn bản số 127 trả lời: *Từ trước đến nay, Văn phòng công chứng Trương Văn C không có chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nào cho anh Nguyễn Hữu Thành Nh, anh Lê Quang H đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận số BQ 439782 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/8/2015*.

Ngày 25/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Th ra Quyết định trưng cầu giám định số 460 giám định đối với phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 439782, chữ ký và mẫu dấu. Ngày 15/12/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh Bình Thuận có Kết luận giám định số 1304/KLGĐ-PC09 kết luận như sau: Phôi "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BQ 439782 ký hiệu A là giả. Các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: “CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH THUẬN”, và “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH THUẬN CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI PHAN THIẾT” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là giả. Chữ ký mang tên Lê Nguyễn Thanh D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Lê Nguyễn Thanh D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M10) là không phải do một người ký. Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M13 đến M20) là không phải do cùng một người ký.

Ngày 21/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh ra quyết định trưng cầu giám định số 106/QĐ-VPCQCSĐT đối với hợp đồng công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn D. Ngày 28/9/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh có Kết quả giám định số 1018/KL-KTHS kết luận như sau: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Quang H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Quang H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết. Chữ viết dưới mục: “Bên A” có nội dung: “tôi đã đọc và đồng ý – Lê Quang H” và chữ ký mang tên Lê Quang H tại các trang 1,2,3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Quang H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết.

Qua xác minh tại Công an phường Lạc Đ xác định tại khu phố 4, phường Lạc Đ không có ai tên là Nguyễn Thị Ái V (sinh năm: 1981, CMND số 260881235, địa chỉ: khu phố 4, phường Lạc Đ, thành phố Than Th).

Tại Công văn số 340 ngày 26/8/2020 của Công an tỉnh Vĩnh Long xác định thông tin về Nguyễn Hữu Thành Nh như sau: họ và tên Nguyễn Hữu Thành Nh, sinh ngày 18/8/1976; nơi cư trú: 19, đường Võ Thị S, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; CMND số: 331351931, cấp lần 1 ngày 19/8/1998, lần 2 ngày 29/12/2004, nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long. Qua làm việc với Cơ quan điều tra, ông Nh trình bày có quen biết với Lê Quang H thông qua việc làm ăn môi giới bất động sản. Quá trình làm ăn với nhau, ông Nh có chụp 02 bản gốc CMND của ông Nh và gửi qua tài khoản zalo của H để H làm giấy ủy quyền mua bán đất tại Bình Thuận. Nhưng ông Nh khẳng định không mua thửa đất nào của bà Nguyễn Thị Ái V và cũng không bán thửa đất này cho H.

Ngày 05/12/2021, Ủy ban nhân dân phường Tràng T, Quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội có Công văn số 243 xác nhận: Vào ngày 25/6/2019, Ủy ban nhân dân phường không cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 215/2019/UBND-XNTTHN cho ông Lê Quang H, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú (HKTT) tại số 10 Hàng B, phường Tràng T, Quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội. Theo hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường Tràng T vào ngày 10/9/2019, Ủy ban nhân dân phường đã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 215/2019/UBND-XNTTHN cho công dân Vũ Như K, sinh ngày 19/10/1981, địa chỉ số 26B Bà Tr, phường Tràng T, Quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội, mục đích sử dụng để làm thủ tục nhà đất.

Ngày 27/12/2022, Văn phòng công chứng Nguyễn D (nay là Văn phòng công chứng Đoàn Thị Mỹ H) có Công văn số 44/CV-DTMH về việc trả lời Công văn số 1268/VPCQCSĐT ngày 23/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận như sau: *"Theo quy định pháp luật, người yêu cầu công chứng khi đến giao dịch phải cung cấp toàn bộ giấy tờ bản gốc liên quan đến hợp đồng giao dịch đó, Công chứng viên có trách nhiệm đối chiếu bản chính các loại giấy tờ và photo toàn bộ để lưu trữ hồ sơ. Bản chính (bản gốc) sẽ được trả lại cho người yêu cầu công chứng. Do đó, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nêu trên bản gốc đã được Công chứng viên trả lại cho người yêu cầu công chứng".* Nên hiện nay, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nêu trên được lưu trữ tại văn phòng công chứng chỉ là bản photo, không có bản gốc.

Ngày 11/12/2022, Cơ quan điều tra bắt truy nã đối với Lê Quang H và thu giữ của H 01 (một) điện thoại hiệu iPhone SE màu trắng đen. Quá trình điều tra, truy tố Lê Quang H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận chuyển 01 (một) điện thoại hiệu iPhone SE màu trắng đen thu giữ của Lê Quang H đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận để bảo quản, chờ Tòa án xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

- Căn cứ vào: Điều 151 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận tiếp tục điều tra, xác minh hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phạm Quý Hùng để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Quang H bồi thường cho bị hại Phạm Quý H 2.795.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục tạm giữ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do bà Lê Thị Ánh M nộp thay bị cáo Lê Quang H theo Biên lai thu số 0000114 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hánh án dân sự tỉnh Bình Thuận để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt tù đối với bị cáo H, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2024, bị hại ông Phạm Quý H kháng cáo cho rằng bị cáo lừa đảo chuyển nhượng đất và nhận của ông Z 8 tỷ đồng, chứ không phải hợp đồng vay hiện còn nợ 2.795.000.000 đồng. Phải đưa Công chứng viên Nguyễn Văn D vào tham gia tố tụng và xem xét trách nhiệm của ông D trong vụ án. Bản án sơ thẩm kiến nghị với cơ quan điều tra xem xét đối với hành vi cho vay nặng lãi là không phù hợp.

Tại phiên tòa ông Z rút nội dung kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông Z và yêu cầu đưa Công chứng viên Nguyễn Văn D vào tham gia tố tụng để xem xét trách nhiệm của ông D. Chỉ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử bỏ phần kiến nghị của bản án sơ thẩm xem xét xử lý tội cho vay lãi nặng đối với ông Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Ông Z rút nội dung kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông Z và rút yêu cầu đưa Công chứng viên Nguyễn Văn D vào tham gia tố tụng để xem xét trách nhiệm của ông D nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm. Về hành vi cho vay lãi nặng của ông Z là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị là phù hợp. Đề nghị bác kháng cáo của ông Hùng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông Hùng trình bày: Tại kết luận điều tra của Công an tỉnh Bình Thuận cũng xác định hành vi lừa đảo và chủ động trả lãi suất cao để chiếm đoạt tiền của ông Z. Bị cáo H khai vay với lãi suất 9%/tháng nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh; trong khi đó ông Z chỉ khai nhận cho vay với lãi suất 3%/tháng. Sự việc cho vay đã được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận kết luận không đủ căn cứ xử lý ông Hùng về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Z bỏ phần kiến nghị trong bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Quý Z đúng quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Quý Z rút nội dung kháng cáo, về trách nhiệm dân sự của bị cáo H đối với ông Z và rút yêu cầu đưa Công chứng viên Nguyễn Văn D vào tham gia tố tụng để xem xét trách nhiệm của ông D trong vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc tự nguyện rút nội dung kháng cáo trên là phù hợp nên áp dụng khoản 2 Điều 354, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo trên.

[2]. Xét kháng cáo của ông Phạm Quý Z yêu cầu xem xét phần Bản án sơ thẩm "Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận tiếp tục điều tra, xác minh hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phạm Quý Z để xử lý theo quy định của pháp luật" thì thấy: Theo lời khai của bị cáo H cũng như các tài liệu sao kê tài khoản Ngân hàng của bị cáo H và ông Z đã thể hiện từ ngày 17/6/2019 đến ngày 20/6/2020, tổng số tiền ông Z cho bị cáo Hoàn vay là 6.585.000.000 đồng và số tiền lãi với gốc hàng tháng bị cáo H đã trả cho ông Z là 3.790.000.000 đồng; bị cáo H cho rằng khoản tiền vay ban đầu với lãi suất 9%/tháng, còn các khoản tiền vay sau là 6%/tháng và hàng tháng có trả tiền lãi với gốc. Tuy nhiên, khi vay và trả tiền lãi với gốc hai bên không làm giấy tờ mà thực hiện chuyển khoản thông qua Ngân hàng. Nay ông Z không thừa nhận cho bị cáo H vay tiền với mức lãi suất từ 6% đến 9%/tháng mà chỉ cho bị cáo H vay với lãi suất 3%/tháng. Hơn nữa, Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền lãi bị cáo H đã trả cho ông Z, trong tổng số tiền lãi với gốc bị cáo H đã trả cho ông Z 3.790.000.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã kết luận: Không có căn cứ để xử lý đối với Phạm Quý Z về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự; đồng thời đã kết luận và truy tố bị cáo H sử dụng giấy CNQSDĐ giả để chiếm đoạt của ông Z 2.795.000.000 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có cơ

sở. Do đó, không cần thiết phải kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận tiếp tục điều tra, xác minh hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phạm Quý Z để xử lý theo quy định của pháp luật.

[3]. Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho ông Z là có cơ sở nên chấp nhận; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận một phần; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị hại Z sửa một phần bản án sơ thẩm. Ông Z không phải chịu án phí phúc thẩm theo điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị hại ông Phạm Quý Z; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận như sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 354, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần trách nhiệm dân sự nên có hiệu lực như sau:

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Quang H bồi thường cho bị hại Phạm Quý Z 2.795.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục tạm giữ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do bà Lê Thị Ánh M nộp thay bị cáo Lê Quang H theo Biên lai thu số 0000114 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hánh án dân sự tỉnh Bình Thuận để đảm bảo thi hành án.

- Không Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận tiếp tục điều tra, xác minh hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phạm Quý Z để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Quang Hoàn, về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Phạm Quý Z không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- CA tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận;
- BC (nhờ trại giam để tống đạt cho BC);
- Lưu, VP, HS, NTTP..